



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.23.05.2025

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM**

**I. Thông tin mẫu:**

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

13.05.25.A8 (M1): Vòi phát Xí nghiệp Hưng Nhân

13.05.25.A9 (M2): GD Nguyễn Thị Đượm- TDP Buôn - TT Hưng Nhân - H Hưng Hà - TB

13.05.25.A10 (M3): GD Phạm Văn Giang – TDP Ân Xá - TT Hưng Nhân - H Hưng Hà - TB

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000 ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Hưng Nhân

5. Địa chỉ: TDP Đầu - Thị Trấn Hưng Nhân – Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình.

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Vũ Tiến Hưng

7. Ngày nhận mẫu: 13/05/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 13/05/2025

**II. Kết quả phân tích:**

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025 (LoD=1.13)	KPH	KPH	KPH	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7.55	7.57	7.56	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.325	0.246	0.178	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021 (LoD= 0.05)	0.93	0.74	0.78	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008 (LoD= 0.012)	0.07	0.05	0.05	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149 (LoD= 0.006)	< 0.018	< 0.018	0.02	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO <sub>3</sub> ) (*)	TCVN 6224:1996 (LoD= 8.02)	110	130	125	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni(*)	Method 8038 (LoD= 0.02)	0.08	< 0.08	< 0.08	mg/L	0.3

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2





**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.23.05.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
10.	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)(*)	Method 8507 (LoD= 0.0015)	< 0.0052	< 0.0052	< 0.0052	mg/L	0.05
11.	Hàm lượng Sulfate(SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )(*)	Method 8051 (LoD= 1.22)	KPH	KPH	< 4.08	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996 (LoD= 0.10)	0.35	< 0.34	< 0.34	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua(*)	TCVN 6194:1996 (LoD= 1.20)	5.67	7.09	6.38	mg/L	250 hoặc 300

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện ( Kết quả dưới mức LoD).
- LoD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Đức**

**TRƯỞNG PHÒNG KH- KT**

**Nguyễn Trung Kiên**

Thái Bình, ngày 23 tháng 05 năm 2025  
**TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM**

**Phùng Thị Thu Hà**

- Lưu ý:
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.
  2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPN.
  3. "\*" Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
  4. "\*\*" Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

2/2